

H: 7
D: 53

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Ngô Văn Phụng

Cán bộ coi thi 2

Vũ T. Hoàn

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

Nguyễn Thanh Loan

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

Đỗ Thị Thanh Bình

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Phạm Văn Khoa

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Trần Thị Hương

C. Thầy

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 40

Số bài thi: 40

Số tờ giấy thi: 40

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 22/7/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-26

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122170279	Phan Võ	Bảo	21/10/2004	CCQ2217G							5,3	2,1	-
2	2122170550	Nguyễn Bá	Đạt	16/09/2004	CCQ2217N	1341	Đạt	3,8	Đạt	4,8	4,3	7,7	5,7	
3	2122170281	Phan Trần Thái	Đạt	20/04/2002	CCQ2217G	1341	Đạt	4,6	Đạt	3,4	4,0	6,7	5,1	
4	2121190038	Nguyễn Hoàng	Giang	17/05/2003	CCQ2119B	1343	Giang	6,4	Giang	7,0	7,2	9,2	8,0	
5	2123210132	Nguyễn Hoài	Hân	23/04/2005	CCQ2321D	1341	Hân	5,2	Hân	3,7	4,5	7,6	5,7	
6	2123210110	Lê Thị Thanh	Hằng	09/12/2005	CCQ2321D	1340	Hằng	4,7	Hằng	3,0	3,9	8,2	5,6	
7	2122030050	Nguyễn Trung	Hào	02/10/2004	CCQ2203B	1342	Hào	4,2	Hào	0	2,1	8,2	4,5	-
8	2123100034	Võ Thị Ngọc	Hiền	03/09/2005	CCQ2310A							0	0	
9	2122120136	Trương Thị Ngọc	Hiếu	28/10/2004	CCQ2212D	1341	Hiếu	4,7	Hiếu	4,7	4,7	7,7	5,9	
10	2123030119	Mai Trần Duy	Hiệu	26/05/2005	CCQ2303D	1342	Hiệu	4,2	Hiệu	4,0	4,1	5,8	4,8	-
11	2123030132	Lê	Hoàng	03/11/2005	CCQ2303D	1340	Hoàng	2,8	Hoàng	3,0	2,9	7,1	4,6	-
12	2122030066	Nguyễn Công	Hoàng	05/10/2004	CCQ2203B	1343	Hoàng	3,8	Hoàng	0,5	2,2	8,6	4,8	-
13	2122200039	Huỳnh Ngọc	Hung	10/02/2004	CCQ2220B	1342	Hung	2,8	Hung	4,9	3,9	8,6	5,8	
14	2123030127	Nguyễn Ngọc	Huy	18/10/2005	CCQ2303D	1343	Huy	5,0	Huy	5,8	5,1	4,7	4,9	-
15	2122170541	Phạm Quang	Huy	10/10/2004	CCQ2217N	1341	Phạm	4,5	Phạm	4,2	4,4	7,2	5,5	
16	2123060127	Đặng Anh	Khoa	15/08/2004	CCQ2306A	1343	Khoa	5,5	Khoa	6,0	5,8	7,4	6,4	
17	2123210142	Trần Thanh	Khoa	19/11/2005	CCQ2321D	1340	Trần	4,3	Trần	6,2	5,3	8,6	6,6	

15/07/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 40

Số bài thi: 40

Số tờ giấy thi: 40

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/7/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 40

Số bài thi: 40

Số tờ giấy thi: 40

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2122170176	Phan Thiên	Kim	12/07/2004	CCQ2217E	1343	Kim	2,9	Kim	5,5	4,2	9,1	6,2	
19	2123030121	Dương Thanh	Lộc	26/01/2005	CCQ2303D							0	0	
20	2122170590	Nguyễn Văn	Lợi	20/01/2004	CCQ2217O	1390	Lợi	4,4	Lợi	4,0	4,2	8	5,7	
21	2123030112	Ngô Nguyễn Thanh	Lưu	10/08/2005	CCQ2303D							0	0	
22	2122170029	Phạm Gia	Mẫn	29/02/2004	CCQ2217A							0,3	0,1	
23	2123030252	Hoàng Đức	Mạnh	23/08/2005	CCQ2303G	1341	Mạnh	4,5	Mạnh	3,6	4,1	9,3	6,2	
24	2122260061	Võ Trà	My	26/10/2004	CCQ2226B	1342	My	8,2	My	5,9	7,1	9,2	7,9	
25	2122120271	Đàng Thị My	Na	03/08/2003	CCQ2212H	1342	Na	4,9	Na	4,5	4,7	8,5	6,2	
26	2123100026	Âu Thanh	Ngân	13/12/2005	CCQ2310A	1341	Âu Thanh	5,4	Âu Thanh	7,3	6,4	8,4	7,2	
27	2123120018	Nguyễn Thị Kim	Ngân	27/07/2005	CCQ2312A	1342	Nguyễn Thị Kim	4,5	Nguyễn Thị Kim	6,2	5,6	8,1	6,6	
28	2123210144	Lê Hoàng	Nhã	01/03/2005	CCQ2321D	1341	Nhã	8,8	Nhã	3,6	6,2	9,4	7,5	
29	2122110580	Dương Đào Huỳnh	Như	02/09/2004	CCQ2211N	1342	Như	7,0	Như	5,7	6,4	6,7	6,5	
30	2122120273	Nguyễn Vương Quỳnh	Như	20/09/2004	CCQ2212I	1340	Như	7,1	Như	7,8	7,5	7,7	7,6	
31	2122170414	Phạm An	Phong	24/01/2004	CCQ2217K	1343	Phạm An	6,6	Phạm An	6,1	6,4	6,1	6,3	
32	2122190020	Hồ Hà Duy	Quang	08/09/2004	CCQ2219A	1343	Hồ Hà Duy	3,9	Hồ Hà Duy	4,5	4,2	9	6,1	
33	2123180082	Phạm Phan Minh	Quyển	29/11/2003	CCQ2318C							0	0	
34	2122030102	Nguyễn Quốc	Thắng	19/04/2004	CCQ2203G	1342	Thắng	4,4	Thắng	5,3	4,9	8,9	6,5	

15/07/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn Hoàng

Trần T. Huân

Nguyễn Thanh Loan

Đỗ Thị Thanh Thủy

Nguyễn Văn M

Trần Thị Hương

C.Thủy

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: *40*

Số bài thi: *40*

Số tờ giấy thi: *40*

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: *24/7/2025*

Giờ thi: *14h45*

Phòng thi: *D5-26*

Số SV có mặt: *40*

Số bài thi: *40*

Số tờ giấy thi: *40*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
35	2123270160	Thượng Thị Hồng	Thảo	12/05/2005	CCQ2327E	<i>1341</i>	<i>4,4</i>	<i>6,4</i>	<i>4,4</i>	<i>5,8</i>	<i>6,1</i>	<i>6,8</i>	<i>6,4</i>	
36	2123060175	Nguyễn Văn	Thịnh	07/01/2005	CCQ2306A	<i>1340</i>	<i>2,2</i>	<i>4,1</i>	<i>Thịnh</i>	<i>5,5</i>	<i>4,8</i>	<i>6,5</i>	<i>5,5</i>	
37	2122170594	Nguyễn Cảnh	Thuần	21/10/2004	CCQ2217O	<i>1342</i>	<i>4,4</i>	<i>7,1</i>	<i>Thuần</i>	<i>4,5</i>	<i>5,8</i>	<i>8,7</i>	<i>7,0</i>	
38	2122170582	Nguyễn Hồng	Tiến	09/10/2004	CCQ2217O	<i>1341</i>	<i>4,4</i>	<i>5,5</i>	<i>4,4</i>	<i>2,5</i>	<i>4,0</i>	<i>8,1</i>	<i>5,6</i>	
39	2121150021	Nguyễn Kim	Tiến	15/09/2003	CCQ2115A	<i>1343</i>	<i>4,4</i>	<i>6,5</i>	<i>Kim</i>	<i>3,4</i>	<i>5,0</i>	<i>4,2</i>	<i>4,7</i>	-
40	2122170302	Võ Đình	Tiến	24/02/2003	CCQ2217H	<i>1344</i>	<i>4,4</i>	<i>4,1</i>	<i>Tiến</i>	<i>5,2</i>	<i>4,7</i>	<i>9,7</i>	<i>6,7</i>	
41	2122120059	Đặng Thị Ngọc	Trâm	13/10/2003	CCQ2212B	<i>1340</i>	<i>Thyhand</i>	<i>5,9</i>	<i>Thyhand</i>	<i>7,8</i>	<i>6,9</i>	<i>8,9</i>	<i>7,7</i>	
42	2122170423	Nguyễn Minh	Tri	03/02/2004	CCQ2217K	<i>1343</i>	<i>Tri</i>	<i>6,1</i>	<i>Tri</i>	<i>6,1</i>	<i>6,1</i>	<i>5,1</i>	<i>5,7</i>	
43	2122030110	Đoàn Lê Thiên	Triết	22/08/2004	CCQ2203H	<i>1340</i>	<i>Triết</i>	<i>5,4</i>	<i>Triết</i>	<i>4,5</i>	<i>5,0</i>	<i>9</i>	<i>6,6</i>	
44	2122100266	Nguyễn Lê Anh	Tú	28/10/2004	CCQ2210H	<i>1343</i>	<i>Anh</i>	<i>4,4</i>	<i>Anh</i>	<i>7,9</i>	<i>6,2</i>	<i>7,9</i>	<i>6,9</i>	
45	2123050156	Trịnh Minh	Vọng	07/02/2005	CCQ2305D	<i>1340</i>	<i>Vọng</i>	<i>6,1</i>	<i>Vọng</i>	<i>5,5</i>	<i>5,8</i>	<i>8,4</i>	<i>6,8</i>	
46	2123210042	Trần Tường	Vy	03/11/2004	CCQ2321B	<i>1342</i>	<i>Tường</i>	<i>5,2</i>	<i>Tường</i>	<i>4,0</i>	<i>4,6</i>	<i>8,6</i>	<i>6,2</i>	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Ng Đình Khôi

Nguyễn Thị Thu Ba

Letttthaw

Trần Thị Hương

Trần Thị Hương

Nguyễn Thị Hồng Hà

C.Thường

Môn học: Anh văn 2 (22400410)

- Thi Viết:

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: *24*

Số bài thi: *24*

Số tờ giấy thi: *24*

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: *24/7/2025*

Giờ thi: *14h45*

Phòng thi: *D5-27*

Số SV có mặt: *23*

Số bài thi: *23*

Số tờ giấy thi: *23*

Đ: 19
H: 05

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122170014	Nguyễn Văn Đức	Cảnh	02/02/2004	CCQ2217A	1340	<i>Carle</i>	3,3	<i>Carle</i>	4,9	4,1	7,2	5,3	
2	2123170174	Nguyễn Công	Đạt	25/11/2005	CCQ2317E	1343	<i>Đạt</i>	5,6	<i>Đạt</i>	5,8	5,7	6,3	5,9	
3	2123030122	Nguyễn Văn	Định	17/10/2003	CCQ2303D	1342	<i>Định</i>	6,6	<i>Định</i>	8,5	7,6	9,6	8,4	
4	2122050040	Vũ Văn Hùng	Dũng	23/09/2003	CCQ2205B	1341	<i>Đ</i>	6,0	<i>Đ</i>	4,7	5,4	8,7	6,7	
5	2122120279	Nguyễn Lê Thanh	Hà	09/03/2004	CCQ2212I	1344					0,0	1,8	0,7	
6	2123210038	Bùi Gia Bảo	Hân	13/11/2005	CCQ2321B	1343	<i>Hân</i>	5,2	<i>Hân</i>	6,4	5,8	6,5	6,1	
7	2122170682	Đặng Ngọc	Hiệu	25/05/2004	CCQ2217Q						0,0	3,1	1,2	
8	2123170156	Võ Văn	Hung	15/09/2005	CCQ2317E	1342	<i>Hung</i>	5,8	<i>Hung</i>	4,7	5,3	5,2	5,3	
9	2123170157	Phan	Huynh	27/10/2005	CCQ2317E	1343	<i>Huynh</i>	5,1	<i>Huynh</i>	7,4	6,3	5,5	6,0	
10	2123170126	Thần Trọng	Kiên	08/03/2004	CCQ2317D	1340	<i>Kiên</i>	7,5	<i>Kiên</i>	5,9	6,7	4,1	5,7	
11	2123170343	Lê Nhựt	Minh	20/04/2005	CCQ2317J	1341	<i>Minh</i>	4,7	<i>Minh</i>	5,4	5,1	4,2	4,7	
12	2122100206	Trần Thị Huỳnh	Như	26/05/2004	CCQ2210F	1342	<i>Như</i>	5,3	<i>Như</i>	5,7	5,5	5,3	5,4	
13	2123030124	Phạm Ngọc	Phong	13/10/2005	CCQ2303D	1340	<i>Phong</i>	4,3	<i>Phong</i>	5,4	4,9	7,5	5,9	
14	2123170192	Nguyễn Phong	Phú	28/07/2005	CCQ2317F	1					0,0	1,4	0,6	
15	2123030113	Trần Lê Trọng	Phúc	27/04/2005	CCQ2303D	1342	<i>Phúc</i>	3,3			0,0	5,9	2,4	
16	2122170138	Phan Thành	Phước	12/12/2004	CCQ2217D	1341	<i>Phước</i>	5,1	<i>Phước</i>	0,0	2,6	4,4	3,3	
17	2122060019	Thái Ngọc Vũ	Phước	24/08/2004	CCQ2206A	1340	<i>Phước</i>	3,7	<i>Phước</i>	0,0	1,9	4,8	3,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400410)

- Thi Viết:

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/7/2025 Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 14h45 Số bài thi:

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2122040021	Nguyễn Văn	Phương	21/12/2004	CCQ2204A							0	Cẩn thi	
19	2123030136	Nguyễn Văn Hồng	Son	14/09/2005	CCQ2303D	1341		3,7		5,4	4,6	5,6	50	
20	2121170533	Trương Tấn	Tài	26/02/2003	CCQ2117P	1342		5,3		6,9	6,1	4,7	55	
21	2123180052	Ngô Văn	Thành	17/07/2004	CCQ2318B	1343		2,9		1,0	2,0	6,5	38	
22	2122190101	Đặng Nguyễn Chí	Thiện	06/09/2002	CCQ2219C							0	Cẩn thi	
23	2122120582	Văn Ngọc	Thiện	04/01/2004	CCQ2212P	1341		4,8		8,1	6,5	9,2	76	
24	2123100128	Lê Thị	Thủy	01/03/2005	CCQ2310D	03		4,8		8,3	6,6	7,6	70	
25	2121120325	Quách Thị Hạnh	Tiên	27/08/2003	CCQ2112J	1340		4,5		7,0	5,8	7,1	63	
26	2122210200	Quách Hoàng Phương	Trình	06/04/2003	CCQ2221F						0,0	5,5	22	
27	2122030194	Mai Nhật	Trường	27/09/1999	CCQ2203H							0	Cẩn thi	
28	2123030090	Trần Minh	Truyền	31/07/2005	CCQ2303C	1341		4,3		3,4	3,9	6,6	50	
29	2121170384	Trịnh Hoài	Tú	04/10/2003	CCQ2117K	1340		9,0		6,7	7,9	5,1	6,8	
30	2123180038	Phạm Quang	Vĩ	24/03/2005	CCQ2318B	1343		3,6		8,0	5,8	9,2	72	
31	2123180092	Phạm Trung	Vĩ	09/04/2004	CCQ2318C	1342		3,1		4,5	3,8	6,4	4,8	
32	2123170181	Trần Nguyễn	Vũ	04/04/2005	CCQ2317F							0	Cẩn thi	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Ưu
Bùi Thị Huệ

Cán bộ coi thi 2

HT
Nguyễn Thành

G.Viên chấm thi 1

Môn Viết

HT

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

HT

G.Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

HT

G.Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

HT

Môn học: Anh văn 2 (22400412)

- Thi Viết:

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 36

Số bài thi: 36

Số tờ giấy thi: 36

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/7/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

Đ: 33
H: 03

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170092	Nguyễn Lê Quốc	An	26/11/2005	CCQ2317C	1342	<i>HT</i>	4,4	<i>HT</i>	3,3	3,9	7	5,1	
2	2123170104	Trần Ngọc	An	22/10/2005	CCQ2317C	1343	<i>HT</i>	4,4	<i>HT</i>	4,0	4,2	4,7	4,4	
3	2123170004	Vương	An	10/12/2002	CCQ2317A							0	<i>Cấm thi</i>	
4	2123170137	Nguyễn Kim	Đô	21/09/2005	CCQ2317D	1340	<i>HT</i>	8,1	<i>HT</i>	2,0	5,1	5,1	5,1	
5	2123170025	Hoàng Tấn	Đức	10/07/2005	CCQ2317A							0	<i>Cấm thi</i>	
6	2123170031	Huỳnh Văn	Hải	08/07/2005	CCQ2317A	1341	<i>HT</i>	6,6	<i>HT</i>	4,1	5,4	5,1	5,3	
7	2123170647	Vòng Cẩm	Hưng	07/07/2005	CCQ2317D	1342	<i>HT</i>	4,5			0,0	3,7	1,5	
8	2123170128	Phạm Xuân	Huỳnh	25/08/2005	CCQ2317D	1340	<i>HT</i>	4,8	<i>HT</i>	4,0	4,4	7,7	5,7	
9	2123170120	Dương Minh	Kha	19/11/2005	CCQ2317D	1341	<i>HT</i>	5,0	<i>HT</i>	5,0	5,0	7,4	6,0	
10	2123170075	Lê Hoàng	Khải	20/01/2005	CCQ2317C	1343	<i>HT</i>	5,1	<i>HT</i>	5,0	5,1	7,9	6,2	
11	2123170121	Võ Châu	Lim	18/06/2005	CCQ2317D	1340	<i>HT</i>	4,8	<i>HT</i>	5,3	5,1	8	6,3	
12	2123170110	Phạm Việt	Long	20/12/2003	CCQ2317D	1341	<i>HT</i>	2,4	<i>HT</i>	3,3	2,9	6,2	4,2	
13	2123170001	Trần Phú	Mạnh	06/10/2002	CCQ2317A	1342	<i>HT</i>	3,2	<i>HT</i>	7,2	5,2	4,6	5,0	
14	2123170089	Trần Công	Minh	30/01/2005	CCQ2317C							0	<i>Cấm thi</i>	
15	2123210164	Phạm Huyền	My	05/05/2005	CCQ2321E	1342	<i>HT</i>	4,3	<i>HT</i>	6,9	5,6	8,8	6,9	
16	2123170014	Đặng Lê Minh	Nhật	22/06/1997	CCQ2317A	1343	<i>HT</i>	4,3	<i>HT</i>	8,9	6,6	5,3	6,1	
17	2123120201	Nguyễn Thị Kim	Phượng	19/04/2005	CCQ2312D	1340	<i>HT</i>	5,4	<i>HT</i>	4,8	5,1	9,2	6,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Bùi Thị Huệ

Cán bộ coi thi 2

Ngô Thị Hạnh

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

Le TT

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

Trần Thị Hồng

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Nguyễn Minh Tuấn

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

C. Hương

Môn học: Anh văn 2 (22400412)

- Thi Viết:

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: *36*

Số bài thi: *36*

Số tờ giấy thi: *36*

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: *24/7/2025*

Giờ thi: *14h45*

Phòng thi: *D5-28*

Số SV có mặt: *35*

Số bài thi: *35*

Số tờ giấy thi: *35*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2123170080	Phạm Minh	Quân	26/03/2005	CCQ2317C	1341	<i>CS</i>	<i>3,4</i>	<i>CS</i>	<i>3,5</i>	<i>3,5</i>	<i>7,8</i>	<i>5,2</i>	
19	2123170114	Nguyễn Đăng	Quý	28/06/2005	CCQ2317D	1343	<i>Qu</i>	<i>3,7</i>	<i>Qu</i>	<i>5,3</i>	<i>4,5</i>	<i>8,5</i>	<i>6,1</i>	
20	2123170139	Nguyễn Huy	Quý	16/01/2005	CCQ2317D	1340	<i>Qu</i>	<i>4,2</i>	<i>Qu</i>	<i>5,7</i>	<i>5,0</i>	<i>8,7</i>	<i>6,5</i>	
21	2123170016	Nguyễn Kiến	Quốc	13/11/2005	CCQ2317A	1341	<i>Quoc</i>	<i>4,4</i>	<i>Quoc</i>	<i>7,8</i>	<i>6,1</i>	<i>4,8</i>	<i>5,6</i>	
22	2123170135	Nguyễn Văn	Quý	12/04/2005	CCQ2317D							<i>4</i>	<i>1,6</i>	
23	2122030184	Huỳnh Văn Nguyễn	Sách	02/05/2004	CCQ2203F	1342	<i>Sách</i>	<i>4,4</i>	<i>Sách</i>	<i>3,3</i>	<i>3,9</i>	<i>7,2</i>	<i>5,2</i>	
24	2123170364	Kiều Ngọc	Sang	18/01/2005	CCQ2317K	1342	<i>Sang</i>	<i>4,1</i>	<i>Sang</i>	<i>3,5</i>	<i>3,8</i>	<i>7,3</i>	<i>5,2</i>	
25	2122050121	Lê Đình	Sơn	07/04/2004	CCQ2205A	1341	<i>Son</i>	<i>4,3</i>	<i>Son</i>	<i>5,9</i>	<i>5,1</i>	<i>7,6</i>	<i>6,1</i>	
26	2123170074	Vô Thanh	Sơn	31/07/2005	CCQ2317C	1343	<i>Son</i>	<i>4,0</i>	<i>Son</i>	<i>5,6</i>	<i>4,8</i>	<i>7,5</i>	<i>5,9</i>	
27	2123170066	Trần Đức	Tài	02/02/2005	CCQ2317B							<i>1,8</i>	<i>0,7</i>	
28	2123110053	Nguyễn Thành	Thái	23/11/2005	CCQ2317C	1343	<i>Thai</i>	<i>3,7</i>	<i>Thai</i>	<i>5,9</i>	<i>4,8</i>	<i>9,2</i>	<i>6,6</i>	
29	2123170100	Lê Hoàng Vĩnh	Thụy	29/07/2005	CCQ2317C	1340	<i>Thuy</i>	<i>2,9</i>	<i>Thuy</i>	<i>6,2</i>	<i>4,6</i>	<i>8,1</i>	<i>6,0</i>	
30	2122210023	Ngô Thị Kiều	Tiên	05/09/2004	CCQ2221A	1340	<i>Tien</i>	<i>4,1</i>	<i>Tien</i>	<i>6,3</i>	<i>5,2</i>	<i>7,5</i>	<i>6,1</i>	
31	2123170105	Dương Hoàng Trọng	Trí	11/03/2005	CCQ2317C							<i>0</i>	<i>Cấm thi</i>	
32	2123170098	Phan Hữu	Trọng	17/04/2005	CCQ2317C	1343	<i>Truy</i>	<i>4,5</i>	<i>Truy</i>	<i>5,8</i>	<i>5,2</i>	<i>8,3</i>	<i>6,4</i>	
33	2123170101	Nguyễn Văn	Trung	16/10/2004	CCQ2317C	1342	<i>Tru</i>	<i>9,6</i>	<i>Tru</i>	<i>6,2</i>	<i>7,9</i>	<i>6,2</i>	<i>7,2</i>	
34	2123170088	Phan Văn	Trung	31/10/2005	CCQ2317C	1341	<i>Trung</i>	<i>6,0</i>	<i>Trung</i>	<i>5,9</i>	<i>6,0</i>	<i>7,7</i>	<i>6,7</i>	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Bùi Thị Huệ

Cán bộ coi thi 2

NT Khanh

G.Viên chấm thi 1

Môn Viết

Lo Thi Hoa

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

Trần Thị Huệ

G.Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

Nguyễn Thị Huệ

G.Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

C. Hương

Môn học: Anh văn 2 (22400412)

- Thi Viết:

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 36

Số bài thi: 36

Số tờ giấy thi: 36

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/7/2025

Giờ thi: 05-28

Phòng thi: D5-28

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
35	2123170070	Bùi Văn	Tú	18/01/2004	CCQ2317B	1340		7,6		4,8	6,2	4,4	5,5	
36	2121210047	Lê Anh	Tuấn	16/03/2001	CCQ2121B	1342		6,3		4,7	5,5	6	5,7	
37	2123170032	Bùi Hữu	Tùng	10/08/2005	CCQ2317A	1341		3,6		7,1	5,4	8,5	6,6	
38	2123170038	Bùi Gia	Vĩ	30/01/2005	CCQ2317B	1343		5,2		5,5	5,4	7,3	6,2	
39	2123170119	Đoàn Phi	Vũ	03/01/2005	CCQ2317D	1342		4,3		5,5	4,9	8,4	6,3	
40	2122110207	Nguyễn Tri Tuấn	Vũ	14/03/2004	CCQ2205B	1340		4,4		4,6	4,5	5,9	5,1	
41	2123170084	Trần Quang	Vũ	22/11/2005	CCQ2317C	1343		5,1		6,3	5,7	9,3	7,1	
42	2123100065	Chu Thị	Yến	23/10/2005	CCQ2310B	1343		7,7		5,5	6,6	6,3	6,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ. 26
H. 13

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn Văn
Lê Phan
Nguyễn Văn
NTMLan

ThS. Trần Thị Di Hương
Lê Thị Thanh Xuân

C. Lê Thảo

Lê Thị Thảo

Môn học: Anh văn 2 (22400413)

- Thi Viết:

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 39

Số bài thi: 39

Số tờ giấy thi: 39

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 38

Số bài thi: 38

Số tờ giấy thi: 38

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170492	Nguyễn Duy	An	18/01/2005	CCQ2317N	42		3,8		5,5	4,7	6	5,2	
2	2122100188	Hứa Thị Kim	Anh	15/04/2004	CCQ2210F	43		3,2		6,6	4,9	5,2	5,0	
3	2123170046	Nguyễn Công	Bình	19/04/2005	CCQ2317B	40		3,5		5,2	4,4	6,6	5,3	
4	2123170494	Nguyễn Đình	Dăng	22/07/2005	CCQ2317N	41		4,0		5,5	4,8	7,4	5,8	
5	2123170491	Nguyễn Trường	Duy	25/06/2005	CCQ2317N	42		4,8		4,8	4,8	6,8	5,6	
6	2122030064	Vô Trần	Duy	04/09/2004	CCQ2203B	43		3,1		5,8	4,5	5,4	4,9	
7	2123170493	Nguyễn Lê Thanh	Hải	09/01/2005	CCQ2317N	40		3,4		3,5	3,5	6,6	4,7	
8	2123120056	Đinh Thị Thủy	Hằng	23/12/2005	CCQ2312B							0		
9	2123170484	Đỗ Khánh	Hoà	26/09/2005	CCQ2317N							0		
10	2123170488	Thái Thanh	Hoài	07/08/2005	CCQ2317N	41		4,5		5,5	5,0	7,9	6,2	
11	2122150036	Nguyễn Khắc Nam	Hoàng	21/03/2004	CCQ2215A	40		7,0		7,0	7,0	8,2	7,5	
12	2123170405	Phạm Huy	Hoàng	23/09/2004	CCQ2317L							0		
13	2123170473	Phạm Gia	Huân	31/08/2005	CCQ2317N	42		6,4		5,5	6,0	8,4	7,0	
14	2122150060	Nguyễn Quang	Huy	07/10/2004	CCQ2215C	41		5,3		5,5	5,4	7,8	6,4	
15	2123170444	Đặng Tuấn	Khanh	26/02/2005	CCQ2317M	42		8,0		4,7	6,4	5,7	6,1	
16	2123170430	Nguyễn Duy	Khánh	04/11/2005	CCQ2317M	32		4,6		4,2	4,4	5,6	4,9	
17	2123170586	Nguyễn Minh	Khánh	19/01/2005	CCQ2317Q							3,3		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Nguyễn
Đề Phan
Chúy Viên

mai
NTMLan

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

ThS. Trần Thị Ai Hương

Môn học: Anh văn 2 (22400413)

- Thi Viết:

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 39

Số bài thi: 39

Số tờ giấy thi: 39

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 21/7/2025 Số SV có mặt: 38

Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 38

Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi: 38

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2122120504	Nguyễn Ngọc Thuý	Linh	27/09/2004	CCQ2212K	1343	Linh	3,1	Linh	00	2,6	6,2	4,0	-
19	2122100199	Nguyễn Thục Vân	Long	09/11/2004	CCQ2210F	42	Ok	3,2	Ok	00	1,6	6,4	3,5	-
20	2123170457	Tạ Văn	Luyến	09/03/2005	CCQ2317M	41	Luyen	4,4	Luyen	4,5	4,5	7,3	5,6	-
21	2123170495	Nguyễn Duy	Nam	03/03/2005	CCQ2317N	40	Nam	3,1	co thi	1,3	2,2	7,2	4,2	-
22	2123170579	Tăng Đào Anh	Nguyễn	21/06/2005	CCQ2317Q	41	nguyen	3,7	nguyen	5,1	4,4	8,8	6,2	-
23	2123170578	Trần Nhất	Nguyễn	11/04/2005	CCQ2317Q	40	nguyen	3,2	nguyen	5,0	4,1	7,3	5,4	-
24	2123170607	Đinh	Nhân	10/04/2005	CCQ2317Q	43	Nhan	3,0	Nhan	4,0	3,5	6,3	4,6	-
25	2123170425	Ngô Đỗ Đình	Nhung	19/12/2005	CCQ2317M	42	Nhung	4,5	Nhung	4,8	4,7	7,4	5,8	-
26	2123170428	Nguyễn Huỳnh Thành	Phát	01/12/2004	CCQ2317M	41	Phat	4,9	Phat	5,0	5,0	7,4	6,0	-
27	2123170581	Trịnh Thế	Phong	05/08/2005	CCQ2317Q							3,7		
28	2123170460	Từ Gia	Phúc	28/08/2005	CCQ2317M	43	Phuc	5,4	Phuc	6,0	5,7	7,8	6,5	-
29	2122270083	Lộ Thị Kim	Phương	05/09/2003	CCQ2227C	42	Phuong	3,0	Phuong	6,6	4,8	5,2	5,0	-
30	2123170468	Thái Nguyễn Anh	Quân	02/04/2005	CCQ2317N	43	Quân	2,8	Quân	2,0	2,4	5,2	3,5	-
31	2123170571	Nguyễn Đức	Tài	11/04/2005	CCQ2317Q	40	Tai	6,9	Tai	8,1	7,5	8,2	7,8	-
32	2123170365	Trần Phúc	Tấn	19/11/2005	CCQ2317K	41	Tan	2,8			00	4,5	1,8	-
33	2123170466	Nguyễn Bá	Thành	13/12/2005	CCQ2317N	42	Thanh	4,5	co thi	1,3	2,9	7	4,5	-
34	2123170462	Dương Văn	Thảo	17/04/2004	CCQ2317N	43	Thao	5,0	Thao	0	2,5	3,8	3,0	-

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Thư
Lê Phan
Chúy viên

Ma
NTM Lan

ThS. Trần Thị Ai Hương

Lê Thị Thanh Chúc

C. Lê Thảo

Lê Thị Thanh

Môn học: Anh văn 2 (22400413)

- Thi Viết:

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 39

Số bài thi: 39

Số tờ giấy thi: 39

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 38

Số bài thi: 38

Số tờ giấy thi: 38

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
35	2123110320	Văn	Thi	15/01/2005	CCQ2311I	40	Thi	5,6	Thi	5,2	5,4	6,7	5,9	
36	2123170445	Huỳnh Hoàng	Thiên	11/03/2005	CCQ2317M	43	Thi	5,6	Thi	6,6	6,1	5,5	5,9	
37	2123170368	Trần Ngọc	Thiên	20/11/2004	CCQ2317K							0		
38	2123170456	Nguyễn Minh	Thuận	05/12/2005	CCQ2317M							0		
39	2122110254	Phan Ngọc	Thương	06/09/2004	CCQ2211G	40	Thi	4,4	Thi	5,8	5,1	8,5	6,5	
40	2123170426	Nguyễn Minh	Tiến	04/03/2005	CCQ2317M	43	Thi	4,8	Thi	6,2	5,5	8,5	6,7	
41	2123170431	Thân Mạnh	Tiến	10/02/2005	CCQ2317M	49	Thi	4,0	Thi	3,5	3,8	6,3	4,8	
42	2121030011	Lê Anh	Tính	12/01/2003	CCQ2103A	43	Thi	4,2	Thi	5,8	5,0	8,5	6,4	
43	2122170719	Trần Đình	Văn	12/07/2004	CCQ2217R	40	Thi	4,1	Thi	5,6	4,9	6,4	5,5	
44	2123170434	Nguyễn Vũ Thành	Viên	24/04/2005	CCQ2317M	41	Thi	4,0	Thi	6,2	5,1	8,6	6,5	
45	2123110288	Nguyễn Anh	Viết	17/10/2005	CCQ2311I	42	Thi	5,3	Thi	4,1	4,7	7,2	5,7	
46	2122110026	Phạm Anh	Vũ	19/09/2004	CCQ2206A	43	Thi	3,6	Thi	5,0	4,3	5,4	4,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

D: 93
H: 11

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

C.Loan

Đỗ Thị Thanh Thủy
Nguyễn Thanh Loan
Nguyễn Văn Nhân

Nguyễn H.T. Văn

Môn học: Anh văn 2 (22400417)

- Thi Viết:

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 34

Số bài thi: 34

Số tờ giấy thi: 34

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/7/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122270143	Phạm Khải	Ân	22/06/2004	CCQ2227C	1341		5.6		5.1	5.4	5	5.2	
2	2123210196	Trần Thanh	Ân	05/11/2002	CCQ2321A	1341		4.3		6.0	5.2	8	6.3	
3	2123260115	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	10/11/2005	CCQ2326D	1342		3.4		5.0	4.2	6.3	5.0	
4	2122050043	Đặng Quốc	Cường	18/03/2004	CCQ2205B	1343		3.8		6.6	5.2	6.7	5.8	
5	2123030091	Dỗ Văn	Đăm	20/11/2004	CCQ2303C	1340		9.0		4.1	6.6	4.9	5.9	
6	2122120359	Đặng Văn	Đạt	16/02/2004	CCQ2212K	1341		5.0		5.5	5.3	7.3	6.1	
7	2122270102	Vũ Bá	Đạt	22/05/2003	CCQ2227D	1342		2.8		3.5	3.2	4	3.5	HL
8	2123210035	Nguyễn Quốc	Dương	31/05/2005	CCQ2321A	1343		5.4		4.7	5.1	1.8	3.8	HL
9	2122110290	Lê Anh	Duy	12/05/2004	CCQ2222A	1343		8.0		5.4	6.7	8.2	7.3	
10	2123200280	Nguyễn Thành	Giang	23/09/2004	CCQ2320C	1340		5.3		5.0	5.2	5.8	5.4	
11	2123100093	Trần Ngọc	Hằng	15/08/2003	CCQ2310C	1342		7.0		8.4	7.7	8.8	8.1	
12	2122140046	Ngô Hoàng	Hào	14/06/2003	CCQ2214B							0		
13	2123210083	Nguyễn Văn	Hoàn	11/07/2005	CCQ2321C	1340		8.5		8.7	8.6	9.4	8.9	
14	2122170481	Hồ Tấn	Hưng	18/07/2004	CCQ2222A	1341		6.1		5.4	5.8	4.6	5.3	
15	2123210053	Nguyễn Gia	Huy	13/11/2005	CCQ2321B	1342		2.4		1.5	2.0	6.7	3.9	HL
16	2123210180	Tô Ngọc	Lộc	07/03/2005	CCQ2321C	1343		3.9		7.8	5.9	7.5	6.5	
17	2123120535	Lê Thị Trúc	Mai	03/12/2005	CCQ2312I	1340		6.8		6.1	6.2	7.1	6.6	

39

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 2 (22400417)

- Thi Viết:

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 34

Số bài thi: 34

Số tờ giấy thi: 34

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/7/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2123210056	Đỗ Thị Tuyết	Ngân	10/09/2005	CCQ2321B	1341	Ngân	6.1	Ngân	5.0	5.6	6.4	5.9	
19	2123260098	Nguyễn Phạm Ánh	Nguyệt	28/01/2005	CCQ2326C	1342	nguyệt	3.1			0	4.5	1.8	
20	2123170300	Trần Duy	Nhật	30/05/2005	CCQ2317I	1343		3.7			0	5.2	2.1	
21	2123260186	Trần Quang	Phong	17/03/2005	CCQ2326E	1340	phong	4.7	phong	4.0	4.4	6	5.0	
22	2123110247	Nguyễn Minh	Phúc	14/10/2005	CCQ2311G							4.7	1.9	
23	2123210070	Nguyễn Minh	Quân	18/10/2005	CCQ2321B	1342	Quân	8.6	Quân	7.2	7.9	7.1	7.6	
24	2123210005	Vũ Ngọc	Son	29/09/2000	CCQ2321A	1343	SON	4.1	SON	4.9	4.5	5.1	4.7	HL
25	2122220012	Lê Phát	Tài	28/02/2004	CCQ2222A	1340	Tài	4.3	Tài	4.0	4.2	6.6	5.2	
26	2123170065	Phan Quang	Thạch	24/09/2005	CCQ2317B	1341	Thạch	3.8	Thạch	6.4	5.1	5.8	5.4	
27	2123170298	Nguyễn Hữu	Thắng	27/11/2005	CCQ2317I	1342	Thắng	4.3	Thắng	5.2	4.8	7.6	5.9	
28	2123210146	Trần Thị Hoàng	Thơ	06/03/2005	CCQ2321D	1343	Hoàng	4.8	Hoàng	8.0	6.4	8.6	7.3	
29	2123170312	Nguyễn Minh	Thọ	23/06/2005	CCQ2317I	1340	Thọ	3.7	Thọ	5.4	4.6	6.8	5.5	
30	2123210186	Bùi Thị Phương	Thư	28/06/2005	CCQ2321D	1341	Thư	5.6	Thư	7.9	6.8	8	7.3	
31	2123210145	Nguyễn Cẩm	Tiên	04/07/2005	CCQ2321B	1342	tiên	3.1	tiên	2.0	2.6	5.4	3.7	HL
32	2123270016	Nguyễn Văn	Tiến	15/03/2005	CCQ2327A							0		
33	2123210017	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/05/2005	CCQ2321A	1343	Trang	4.6	Trang	3.5	4.1	5.1	4.5	HL
34	2123210123	Nguyễn Thị Hồng	Trúc	15/07/2005	CCQ2321D	1340	Trúc	3.5	Trúc	4.3	3.9	7.3	5.3	

15/07/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

D.25
H.9

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

C.Loan

Trần Trung
Thường

Ng. H. Phúc

Đỗ Thị Thanh Thủy

Ng. Thái Loan

Ng. Châu

Ng. H. J. Vais

Môn học: Anh văn 2 (22400417)

- Thi Viết:

Ngày thi: 21/07/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 34

Số tờ giấy thi: 34

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/7/2025 Số SV có mặt: 32

Giờ thi: 14g45 Số bài thi:

Phòng thi: D5-30 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
35	2122050014	Huỳnh Văn	Trường	07/01/2004	CCQ2205A	1341	Trần Trung Thường	3.4	Trần Trung Thường	3.2	3.3	5.2	4.1	HL
36	2123170297	Lê Thanh	Tuấn	17/08/2005	CCQ2317I							3	1.2	
37	2123210122	Nguyễn Thị	Xuân	21/11/2005	CCQ2321D	1341	Nguyễn Thị Xuân	3.7	Nguyễn Thị Xuân	2.1	2.9	7.8	4.9	HL
38	2123110511	Đoàn Như	Ý	17/06/2005	CCQ2311M	1340	Đoàn Như Ý	4.2	Đoàn Như Ý	4.1	4.2	5.3	4.6	HL